# TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 16, 17 – 21/04/2023

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

***"Chứng khoán thế giới trái chiều, FED khả năng tiếp tục tăng lãi suất"***

Thị trường chứng khoán Mỹ đã có nhiều biến động. Các chỉ số chính đều tăng mạnh vào ngày thứ Ba và thứ Tư nhờ sự bùng nổ của các công ty công nghệ lớn như Microsoft và Apple. Tuy nhiên, vào ngày thứ Sáu, thị trường bị đẩy xuống do giá dầu giảm và sự suy giảm của các công ty trong ngành năng lượng. Cho đến nay, 16 (3%) công ty trong S&P 500 đã báo cáo kết quả Q1, vì không phải tất cả các công ty đều tuân theo lịch thông thường. Cục Dự trữ Liên bang đã gợi ý về khả năng tăng lãi suất trong tương lai gần, điều này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của thị trường. Gần nhất, bà Cleveland Loretta Mester phát tín hiệu ủng hộ một đợt tăng lãi suất khác để dập tắt lạm phát đồng thời cảnh báo sự cần thiết phải theo dõi căng thẳng ngân hàng gần đây có thể làm giảm tín dụng và suy yếu nền kinh tế. Chốt tuần, Dow Jones, S&P 500 gần như đi ngang.

Thị trường chứng khoán châu Á có nhiều diễn biến trái chiều với chỉ số Nikkei 225 của Nhật Bản và chỉ số TOPIX rộng hơn đều giảm lần lượt 1.9% và 2.1%, trong khi chỉ số Shanghai Composite của Trung Quốc tăng 0.3%. Ngược lại, chỉ số Hang Seng của Hồng Kông tăng 1.1% và chỉ số Kospi của Hàn Quốc tăng 0.5%. GDP quý 1 của Trung Quốc tăng trưởng vượt kỳ vọng là điểm sáng nhưng dường như đã được thị trường phản ánh.

Dầu thô tiếp tục đà sụt giảm về giao dịch quanh mức 77 USD/thùng, tương ứng mất gần 6% trong tuần, bị đè nặng bởi triển vọng tăng lãi suất hơn nữa có thể ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu và nhu cầu năng lượng trong tương lai, bất chấp việc OPEC cắt giảm sản lượng.

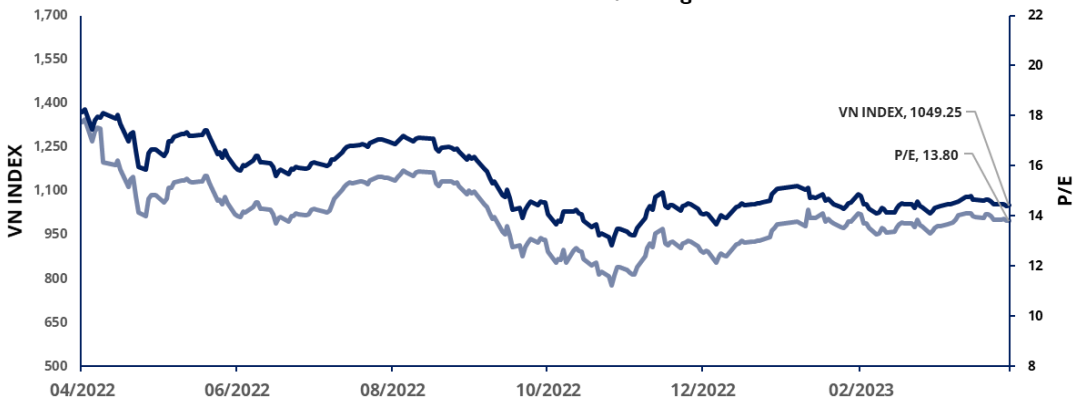
Chứng khoán Việt Nam có tuần giao dịch kém khả quan, chỉ số VN-Index giảm 0.9% về mức 1,043 điểm, chỉ số HN-Index cũng giảm nhẹ 0.2% về mức 207. Ngành ngân hàng và tài chính là một trong những động lực của thị trường, khi nhiều ngân hàng báo cáo KQKD quý 1/2023 tích cực. Tuy nhiên, một số ngành khác như bất động sản và xây dựng đã có sự suy giảm do lo ngại về suy yếu kinh tế và bối cảnh lãi suất cao. Thêm vào đó, số ca nhiễm Covid tăng nhanh trở lại cũng ảnh hưởng tiêu cực tới tâm lý thị trường. Đáng chú ý giá gạo và giá đường tăng góp phần phản ánh giá tăng trần ở những mã cổ phiếu liên quan.

Góc nhìn và khuyến nghị: VN-Index đã có 1 tuần giao dịch kém lạc quan, trừ thứ 2 các ngày còn lại trong tuần đều đóng cửa nến đỏ . Khối lượng giao dịch trung bình thấp do dòng tiền đứng ngoài vì đây là tuần đáo hạn phái sinh và cận kỳ nghỉ lễ 30/04 kéo dài. Chỉ số đã kiểm định ngưỡng kháng cự 1,060 nhưng bất thành, đường MA10 có xu hướng cắt xuống MA20 cho thấy tín hiệu kém tích cực. Trên biểu đồ tuần, đường MACD vẫn duy trì xu hướng đi xuống trong miền âm . Trong thời gian tới, VN-Index có thể tiếp tục xu hướng giảm vì kiểm định thất bại và đánh mất ngưỡng 1,060 điểm sẽ lùi về về đáy cũ gần nhất quanh ngưỡng 1,020 điểm và thấp hơn là ngưỡng tâm lý 1,000 điểm.

**WEEKLY DATA CENTER**

| Index name | Close Price | Index Return % 1W | 1M | 3M | YTD | Trend | Index Multiples P/E | P/B | Mrk Cap (USD bn) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| VN-Index | 1,043 | -0.9 | 1.0 | -5.9 | 3.6 | | 13.8 | 1.7 | 178 |
| Upcom Index | 78 | -0.9 | 3.1 | 5.4 | 8.9 | | 12.3 | 1.6 | 42 |
| HNX Index | 207 | -0.2 | 1.9 | -5.9 | 0.8 | | 24.4 | 1.2 | 10 |
| VN30 Index | 1,046 | -1.6 | 1.1 | -6.8 | 4.1 | | 10.9 | 1.6 | 129 |
| S&P 500 Index | 4,130 | -0.2 | 3.2 | 4.0 | 7.6 | | 19.8 | 4.1 | 35,966 |
| STOXX Europe 600 Index | 468 | 0.3 | 4.9 | 3.6 | 10.2 | | 14.0 | 2.0 | 14,016 |
| Hang Seng | 20,076 | -1.8 | 4.2 | -8.9 | 1.5 | | 11.3 | 1.2 | 2,928 |
| Nikkei 225 | 28,564 | 0.2 | 6.0 | 7.6 | 9.5 | | 23.6 | 1.8 | 3,822 |
| SHCOMP Index | 3,301 | -1.1 | 1.4 | 1.1 | 6.9 | | 13.4 | 1.4 | 7,133 |
| STI Index | 3,322 | 0.6 | 4.7 | 0.9 | 2.2 | | 13.3 | 1.1 | 383 |
| KOSPI Index | 2,544 | -1.1 | 6.5 | 6.2 | 13.8 | | 13.1 | 1.0 | 1,477 |

**Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm**




Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Mở tài khoản
[Chuyên viên phân tích] Trần Khang
☎ (84-28) 6287-8037
✉ khang.lt@shinhan.com

# WEEKLY SNAPSHOT
## Theo vốn hóa và ngành

**Theo giá trị vốn hóa**

| Giá trị vốn hóa | 1W | 1M | 1M | % Thay đổi GTGD 1W | % Thay đổi GTGD 1M | % Thay đổi GTGD 3M | % Tỷ trọng GTGD Current | % Tỷ trọng GTGD Change | Định giá P/E | Định giá P/B | Vốn hóa (Tỷ VND) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Large Cap | -1.2 | 0.5 | 3.0 | -24.9 | -19.9 | -10.3 | 63.3 | -0.7 | 11.3 | 1.7 | 3,591,196 |
| Mid Cap | 0.8 | 4.6 | 7.8 | -22.6 | -11.8 | -1.8 | 34.1 | 0.6 | 14.8 | 1.0 | 490,824 |
| Small Cap | -0.2 | 2.1 | 4.5 | -22.6 | -5.2 | 3.8 | 2.6 | 0.1 | 22.5 | 0.6 | 73,032 |

**Theo ngành**

| Tên ngành | 1W | 1M | YTD | % Thay đổi GTGD 1W | % Thay đổi GTGD 1M | % Thay đổi GTGD 3M | % Tỷ trọng GTGD Current | % Tỷ trọng GTGD Change | Định giá P/E | Định giá P/B | Vốn hóa (Tỷ VND) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Dược và Y tế | 4.1 | 4.1 | 5.1 | 20.9 | 46.4 | 53.7 | 0.3 | 0.1 | 12.3 | 1.9 | 32,020 |
| Tài chính | 3.2 | 11.9 | 24.2 | -27.2 | -21.7 | 3.6 | 15.4 | -0.7 | 23.0 | 1.1 | 116,566 |
| Ô tô & Phụ tùng | 0.9 | 0.9 | 0.8 | -1.2 | 44.2 | 61.4 | 0.8 | 0.2 | 10.0 | 1.1 | 13,495 |
| Xây dựng và vật liệu | 0.6 | 5.0 | 13.3 | -30.0 | -29.3 | -20.1 | 6.5 | -0.5 | 16.5 | 1.0 | 99,918 |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | 0.4 | 1.5 | -5.9 | -0.8 | 25.8 | 29.3 | 1.5 | 0.3 | 10.6 | 1.7 | 48,472 |
| Dầu khí | 0.4 | 5.3 | 15.5 | -42.3 | -35.5 | -38.3 | 0.9 | -0.3 | 40.0 | 2.1 | 57,979 |
| Tài nguyên cơ bản | -0.2 | 0.4 | 14.5 | -37.6 | -43.5 | -50.0 | 6.3 | -1.4 | 26.2 | 1.1 | 160,381 |
| Bất động sản | -0.4 | 4.5 | 1.6 | -27.5 | -4.8 | 19.9 | 24.2 | -1.1 | 14.2 | 1.3 | 764,074 |
| Công nghệ Thông tin | -0.4 | 1.4 | 2.9 | -30.8 | -36.9 | -45.4 | 0.5 | 0.0 | 15.9 | 2.6 | 99,143 |
| Thực phẩm và đồ uống | -0.4 | -3.4 | -6.2 | 9.4 | 24.8 | 22.9 | 9.9 | 3.0 | 21.5 | 2.6 | 464,143 |
| Du lịch và Giải trí | -0.5 | -4.9 | -10.7 | -11.1 | -4.2 | -3.7 | 0.7 | 0.1 | n.a | 8.2 | 90,926 |
| Bán lẻ | -0.5 | 2.3 | -6.3 | -15.5 | 3.9 | 19.0 | 3.2 | 0.3 | 14.5 | 2.3 | 78,010 |
| Truyền thông | -0.6 | 10.8 | 39.2 | -53.6 | -60.0 | -61.9 | 0.0 | 0.0 | 16.8 | 0.9 | 1,226 |
| Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp | -0.9 | 2.1 | 3.4 | -37.9 | -23.0 | -20.3 | 3.1 | -0.7 | 10.3 | 1.1 | 108,585 |
| Hóa chất | -1.6 | 2.7 | -1.0 | -17.4 | 1.7 | 1.8 | 4.2 | 0.3 | 6.9 | 1.1 | 128,349 |
| Tiện ích | -1.8 | -4.3 | -0.3 | -31.1 | -11.7 | -18.0 | 1.9 | -0.2 | 11.3 | 1.9 | 304,439 |
| Ngân hàng | -1.9 | 0.9 | 7.9 | -22.4 | -28.9 | -20.7 | 20.3 | 0.4 | 8.1 | 1.5 | 1,540,598 |
| Bảo hiểm | -1.9 | -2.7 | 2.0 | -22.0 | -2.5 | -22.6 | 0.3 | 0.0 | 7.9 | 1.6 | 46,406 |

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

# WEEKLY SNAPSHOT

## Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

| Tên ETF | Tài sản (Triệu USD) | Dòng vốn ròng (Triệu USD) | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | 1W | 1M | 3M | YTD |
| **Tổng các quỹ ETF** | **3,686** | **1.1** | **56.5** | **180.3** | **328.5** |
| **Nước ngoài** | **2,529** | **1.1** | **58.9** | **189.4** | **308.7** |
| VanEck Vectors Vietnam ETF | 515 | -1.8 | -3.7 | 5.2 | 90.7 |
| Fubon FTSE Vietnam ETF | 798 | 3.5 | 44.5 | 67.5 | 69.0 |
| iShares MSCI Frontier and Select EM ETF | 718 | 0.0 | 17.4 | 58.5 | 138.7 |
| Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF | 328 | 2.1 | 3.1 | 33.3 | 56.6 |
| KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF | 140 | -2.6 | -2.6 | 23.3 | -47.8 |
| Premia MSCI Vietnam ETF | 16 | 0.0 | 0.0 | 0.3 | 0.3 |
| KIM KINDEX Vietnam VN30 Future | 5 | 0.0 | 0.0 | 1.3 | 1.3 |
| Asian Growth CUBS ETF | 10 | 0.0 | 0.0 | 0.0 | 0.0 |
| **Trong nước** | **1,156** | **0.0** | **-2.3** | **-9.1** | **19.8** |
| DCVFMVN Diamond ETF | 600 | 0.0 | 0.0 | 0.0 | 0.0 |
| DCVFMVN30 ETF Fund | 352 | 0.1 | -0.4 | -3.8 | 19.1 |
| SSIAM VNFIN LEAD ETF | 164 | -0.1 | -2.4 | -5.5 | 1.0 |
| MAFN VN30 ETF | 27 | 0.0 | 0.0 | -0.3 | -0.3 |
| SSIAM VNX50 ETF | 6 | 0.0 | 0.0 | 0.0 | -0.5 |
| VinaCapital VN100 ETF | 4 | 0.0 | 0.0 | 0.0 | 0.0 |
| SSIAM VN30 ETF | 4 | 0.1 | 0.4 | 0.4 | 0.4 |

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

| Quốc gia | Dòng vốn ròng (Triệu USD) | | | |
|---|---|---|---|---|
| | WTD | MTD | QTD | YTD |
| Trung Quốc* | n.a | 22,975 | 26,831 | -160,700 |
| Ấn độ | 5 | 883 | 883 | -1,600 |
| Indonesia | 120 | 637 | 637 | 1,082 |
| Nhật Bản* | 14,025 | 31,950 | 31,950 | 11,408 |
| Maylaysia | -34 | -14 | -14 | -437 |
| Philippines | -126 | -48 | -68 | -68 |
| Hàn Quốc | 126 | 710 | 710 | 6,180 |
| Sri Lanka | 1 | 1 | 1 | 2 |
| Đài Loan | -1,239 | -1,087 | -1,087 | 7,230 |
| Thái Lan | -145 | -149 | -149 | -1,795 |
| Việt Nam | -13 | -111 | -111 | 108 |

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | -126 | -48 | -68 | -68 |

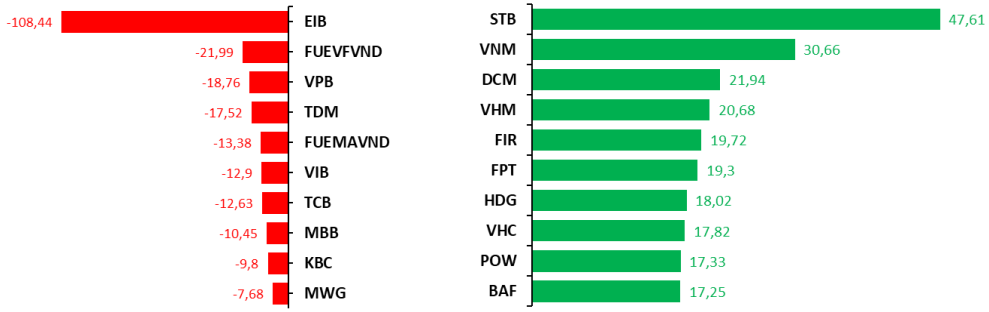
Chú thích:

-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

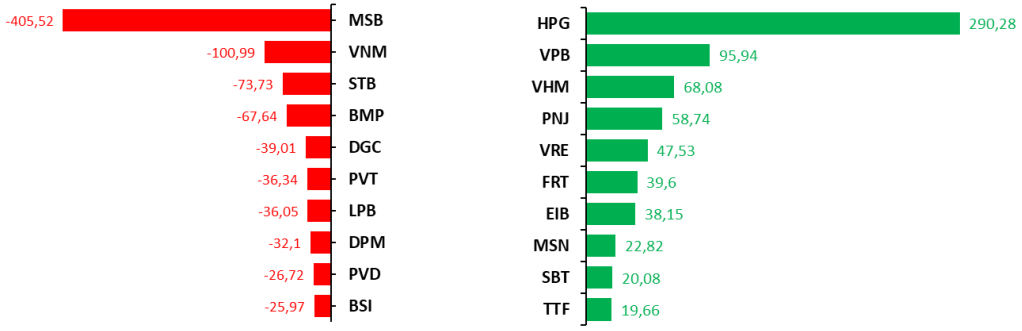
# WEEKLY SNAPSHOT

## Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

### Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)




### Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)




Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

### Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

| Ngành ICB cấp 2 | Tự doanh (tỷ VND) | Nước ngoài (tỷ VND) | Cá nhân trong nước (tỷ VND) | Tổ chức trong nước (tỷ VND) |
|---|---|---|---|---|
| Bất động sản | 94 | 100 | -264 | 164 |
| Tài nguyên Cơ bản | 17 | 311 | -298 | -13 |
| Truyền thông | 0 | 1 | -1 | 0 |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 26 | -97 | 29 | 68 |
| Y tế | 0 | 5 | -5 | 0 |
| Hóa chất | 34 | -108 | 78 | 30 |
| Dịch vụ tài chính | -18 | -64 | 102 | -38 |
| Du lịch và Giải trí | 8 | 8 | -260 | 252 |
| Ngân hàng | -90 | -424 | 214 | 210 |
| Xây dựng và Vật liệu | 1 | -48 | 263 | -215 |
| Thực phẩm và đồ uống | 77 | -78 | 60 | 18 |
| Bán lẻ | -6 | 38 | -5 | -33 |
| Điện, nước & xăng dầu khí đ | 20 | -21 | 24 | -3 |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | 11 | 74 | -38 | -36 |
| Công nghệ Thông tin | 19 | -2 | -15 | 17 |
| Ô tô và phụ tùng | 0 | -2 | 5 | -3 |
| Bảo hiểm | 2 | -3 | 14 | -11 |
| Dầu khí | 12 | -10 | -6 | 15 |
| **Tổng** | 207 | -319 | -104 | 423 |

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

# WEEKLY SNAPSHOT
## Top cổ phiếu đáng chú ý

### HSX *

**Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất**

| TT | Mã CP | Ngành | 52 Tuần | Giá đóng cửa | % Thay đổi |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | LPB | Ngân hàng | 7.75 - 15.85 | 13.7 | -7.77% |
| 2 | SHB | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 7.17 - 15.04 | 11.1 | -6.33% |
| 3 | VPB | Ngân hàng | 13.65 - 24.80 | 19.5 | -5.12% |
| 4 | IJC | Bất động sản | 7.40 - 21.08 | 13.0 | -4.76% |
| 5 | DGC | Sản xuất nông nghiệp | 48.10 - 139.00 | 52.0 | -4.24% |

**Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất**

| % Thay đổi | Giá đóng cửa | 52 Tuần | Ngành | Mã CP |
|---|---|---|---|---|
| 51.33% | 28.8 | 13.89 - 28.98 | Y tế | TNH |
| 23.16% | 11.7 | 5.28 - 16.34 | Dịch vụ tài chính | AGR |
| 22.90% | 26.3 | 18.85 - 29.90 | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | THI |
| 19.96% | 55.0 | 23.45 - 73.70 | Xây dựng và Vật liệu | CTD |
| 19.08% | 26.3 | 4.15 - 11.64 | Thực phẩm và đồ uống | LSS |

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

### HNX

**Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất**

| TT | Mã CP | Ngành | 52 Tuần | Giá đóng cửa | % Thay đổi |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | DDG | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 15.00 - 43.70 | 15.0 | -40.24% |
| 2 | HCT | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 8.50 - 17.20 | 8.5 | -32.00% |
| 3 | LM7 | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 1.90 - 5.10 | 1.9 | -17.39% |
| 4 | SMT | Công nghệ Thông tin | 6.50 - 17.00 | 9.0 | -14.29% |
| 5 | PRC | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 16.40 - 77.90 | 23.2 | -13.43% |

**Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất**

| % Thay đổi | Giá đóng cửa | 52 Tuần | Ngành | Mã CP |
|---|---|---|---|---|
| 46.45% | 22.7 | 11.60 - 22.70 | Thực phẩm và đồ uống | KTS |
| 38.30% | 19.5 | 11.90 - 21.00 | Truyền thông | BST |
| 32.66% | 52.4 | 35.60 - 77.00 | Công nghệ Thông tin | VLA |
| 24.39% | 5.1 | 4.00 - 10.00 | Xây dựng và Vật liệu | VE8 |
| 20.55% | 8.8 | 5.50 - 15.10 | Bất động sản | NDN |

### Upcom

**Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất**

| TT | Mã CP | Ngành | 52 Tuần | Giá đóng cửa | % Thay đổi |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | SSG | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 5.00 - 17.30 | 10.8 | -29.87% |
| 2 | CT6 | Xây dựng và Vật liệu | 3.70 - 9.50 | 4.7 | -28.79% |
| 3 | HKB | Thực phẩm và đồ uống | 0.50 - 1.80 | 0.5 | -28.57% |
| 4 | ILS | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 11.20 - 32.00 | 22.1 | -27.54% |
| 5 | GSM | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 10.90 - 16.60 | 10.9 | -27.33% |

**Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất**

| % Thay đổi | Giá đóng cửa | 52 Tuần | Ngành | Mã CP |
|---|---|---|---|---|
| 58.62% | 4.6 | 2.30 - 13.80 | Du lịch và Giải trí | DXL |
| 51.56% | 19.4 | 11.40 - 29.00 | Xây dựng và Vật liệu | LIC |
| 38.20% | 12.3 | 4.40 - 18.50 | Hàng cá nhân & Gia dụng | LGM |
| 37.07% | 15.9 | 9.40 - 19.00 | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | BBH |
| 34.58% | 14.4 | 7.20 - 22.00 | Hóa chất | VNP |

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

## Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

| STT | Mã | Tên công ty | Ngành | Giá trị giao dịch | | Giá cổ phiếu | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | TB Ngày (Triệu VND) | %1W | Giá (nghìn VND) | Biến động 52 tuần | %1W |
| 1 | BMP | Nhựa Bình Minh | Xây dựng và Vật liệu | 20,607.1 | 334.7 | 74.0 | 48.10 - 74.00 | 18.6 |
| 2 | AST | Dịch vụ Hàng không Taseco | Bán lẻ | 460.9 | 174.1 | 58.9 | 44.65 - 64.50 | 5.9 |
| 3 | DHG | Dược Hậu Giang | Y tế | 1,102.3 | 153.0 | 98.9 | 78.00 - 102.70 | 5.9 |
| 4 | STG | Kho Vận Miền Nam | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 2,646.0 | 106.4 | 49.5 | 26.10 - 50.90 | 3.1 |
| 5 | STK | Sợi Thế Kỷ | Hàng cá nhân & Gia dụng | 1,735.4 | 104.4 | 27.8 | 23.55 - 55.19 | 3.0 |
| 6 | DBD | Dược - TB Y tế Bình Định | Y tế | 4,241.2 | 102.5 | 41.5 | 33.95 - 48.80 | 1.5 |
| 7 | BWE | Nước - Môi trường Bình Dương | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 3,270.9 | 93.4 | 44.9 | 32.40 - 60.20 | 4.1 |
| 8 | DPR | Cao su Đồng Phú | Hóa chất | 2,507.2 | 85.9 | 52.1 | 38.30 - 88.10 | 0.8 |
| 9 | IMP | IMEXPHARM | Y tế | 394.8 | 83.9 | 54.5 | 43.50 - 74.90 | 10.8 |
| 10 | NCT | DV Hàng hóa Nội Bài | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 581.9 | 79.0 | 86.3 | 81.00 - 100.00 | -2.5 |

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

# WEEKLY SNAPSHOT
## Những dữ liệu vĩ mô khác

### Tỷ giá

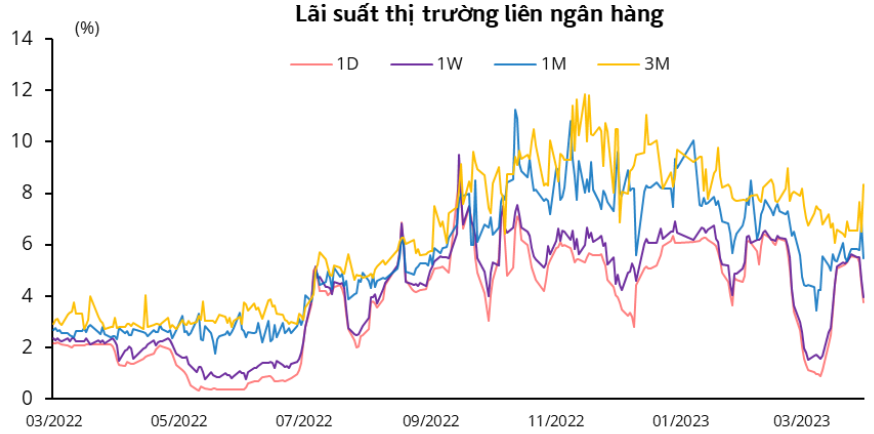
| | Giá | %1W | %1M | %3M | %YTD | Trend |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Dollar index | 101.89 | 0.33 | -1.33 | -0.12 | -1.58 | |
| VND/USD | 23,494 | 0.21 | -0.38 | 0.19 | -0.59 | |
| KRW/USD | 1,327.85 | 2.22 | 1.27 | 7.47 | 4.93 | |
| JPY/USD | 133.80 | 0.01 | 0.97 | 2.40 | 2.04 | |
| EUR/USD | 0.91 | 0.26 | -1.79 | -0.84 | -2.36 | |
| SGD/USD | 1.34 | 0.38 | -0.08 | 1.29 | -0.32 | |
| CNY/USD | 6.89 | 0.29 | 0.14 | 1.54 | -0.14 | |

### Hàng hóa

| | Giá (USD) | %1W | %1M | %3M | %YTD | Trend |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Dầu thô | 77.31 | -6.31 | 11.51 | -4.92 | -3.68 | |
| Xăng | 259.93 | -8.34 | 2.38 | -1.74 | 5.68 | |
| Gas | 2.21 | 4.59 | -5.83 | -30.34 | -50.59 | |
| Than | 191.75 | 0.52 | 11.32 | -45.36 | -52.55 | |
| Vàng | 1,989.00 | -0.76 | 2.52 | 3.00 | 9.04 | |
| Bạc | 25.11 | -0.93 | 12.17 | 7.05 | 4.83 | |
| Platinum | 1,101.34 | 5.02 | 12.98 | 4.78 | 2.52 | |
| Quặng sắt | 119.31 | -0.51 | -6.98 | -2.33 | 7.22 | |
| Thép cán | 4,154.00 | -1.75 | -5.61 | -0.98 | 0.17 | |
| Lúa mì | 669.50 | -1.90 | -2.01 | -9.71 | -15.47 | |
| Ngô | 663.00 | -0.49 | 5.24 | -1.96 | -2.28 | |
| Gỗ | 398.50 | -3.14 | -10.33 | -7.50 | 6.64 | |

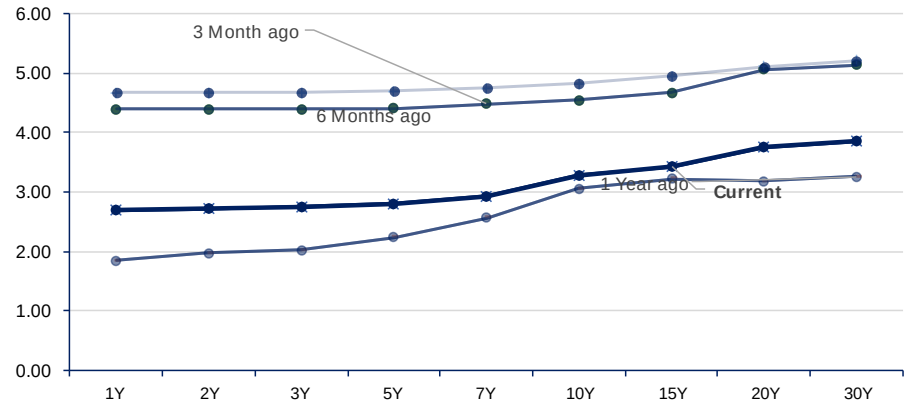
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

### Lãi suất thị trường liên ngân hàng




Nguồn: SBV

### Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)




| TG đáo hạn | 1 Yr | 2 Yrs | 3 Yrs | 5 Yrs | 7 Yrs | 10 Yrs | 15 Yrs | 20 Yrs | 30 Yrs |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Lãi suất | 2.70 | 2.72 | 2.75 | 2.80 | 2.93 | 3.28 | 3.43 | 3.76 | 3.86 |
| Thay đổi (BPS)* | -0.50 | -0.50 | 0.00 | 1.20 | -4.80 | -1.30 | 0.70 | -2.00 | -2.00 |

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

*Thay đổi so với tuần trước đó



Shinhan Securities

# Mạng lưới Shinhan Investment

## SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

## NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

## HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

## INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

## SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

## HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

## HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

## Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

## Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.